|  |
| --- |
|  |
| **Trường THPT Trần Nhân Tông**  **Tổ: Sử-Địa - GDCD** | | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HKI**  **NĂM HỌC 2022-2023**  **MÔN: GDCD 11** |

**Bài 1: CÔNG DÂN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**1. Sản xuất của cải vật chất.**

***a. Thế nào là sản xuất của cải vật chất?***

Sản xuất của cải vật chất là sự tác động của con người vào tự nhiên biến đổi các yếu tố tự nhiên biến đổi các yếu tố tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của con người.

***b. Vai trò của sản xuất của cải vật chất***

- Sản xuất của cải vật chất *là cơ sở tồn tại của xã hội*

- Sản xuất của cải vật chất *quyết định mọi hoạt động của xã hội.*

**2. Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất.**

Có 3 yếu tố cơ bản:

**- Sức lao động**

   + Sức lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần được vận dụng trong quá trình sản xuất.

   + Sức lao động gồm: thể lực và trí lực.

   + Lao động là hoạt động có mục đích có ý thức của con người làm biến đổi những yếu tố tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của con người.

**- Đối tượng lao động**

   + Đối tượng lao động là những yếu tố của giới tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhắm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người.

   + Đối tượng lao động có hai loại: Đối tượng lao động có sẵn và đối tượng lao động qua tác động của lao động

**- Tư liệu lao động**

   + Khái niệm: Tư liệu lao động là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động, nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của con người.

   + Phân loại tư liệu lao động:

      • Công cụ lao động

      • Kết cấu hạ tầng

      • Hệ thống bình chứa

**3. Phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.**

***a. Phát triển kinh tế***

- Là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lí, tiến bộ và công bằng xã hội.

- Phát triển kinh tế gồm 3 nội dung:

   + Phát triển kinh tế biểu hiện trước hết ở sự tăng trưởng kinh tế

   + Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về số lượng, chất lượng sản phẩm và các yếu tố của quá trình sản xuất ra nó trong một thời kì nhất định. Cơ sở của tăng trưởng kinh tế:

      • Dựa trên cơ cấu kinh tế hợp lí, tiến bộ để đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững.

      • Phát triển kinh tế đi đôi với công bằng và tiến bộ xã hội, tạo điều kiện cho mọi người có quyền bình đẳng trong đóng góp và hưởng thụ kết quả của tăng trưởng kinh tế.

      • Phù hợp với sự biến đổi nhu cầu phát triển toàn diện của con người và xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái

      • Gắn với chính sách dân số phù hợp.

      • Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lí và tiến bộ.

   + Công bằng xã hội.

***b. Ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình, xã hội.***

**- Đối với cá nhân:** Tạo điều kiện cho mỗi người nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển toàn diện cá nhân.

**- Đối với gia đình:** là tiền đề, cơ sở quan trọng để thực hiện tốt các chức năng của gia đình, xây dựng gia đình văn hóa.

**- Đối với xã hội:**

   + Làm tăng thu nhập quốc dân và phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của cộng đồng được cải thiện. Tạo điều kiện giải quyết các vấn đề an sinh xã hội.

   + Là tiền đề vật chất để củng cố an ninh quốc phòng, giữ vững chế độ chính trị, tăng cường hiệu lực quản lí của nhà nước, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

   + Là điều kiện kiên quyết để khắc phục sự tụt hậu xa hơn vè kinh tế so với các nước tiên tiến trên thế giới, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, mở rộng quan hệ quốc tế, định hướng xã hội chủ nghĩa.

**Bài 2: HÀNG HÓA – TIỀN TỆ - THỊ TRƯỜNG**

**1. Hàng hóa**

***a. Hàng hóa là gì?***

Hàng hóa là sản phẩm lao động thỏa mãn nhu cầu của con người thông qua trao đổi, mua bán.

***c. Hai thuộc tính của hàng hóa***

**- Giá trị sử dụng**

   + Gía trị sử dụng của hàng hóa là **công cụ** của sản phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.

**- Giá trị hàng hóa**

   + Giá trị của hàng hóa là **lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa**….

**2. Tiền tệ**

***a. Nguồn gốc và bản chất tiền tệ***

***b. Các chức năng của tiền tệ***

**- Thước đo giá trị**

   + Tiền được dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa (giá cả).

   + Giá cả hàng hóa quyết định bởi các yếu tố: giá trị hàng hóa, giá trị tiền tệ, quan hệ cung – cầu hàng hóa.

**- Phương tiện lưu thông**

   + Theo công thức: Hàng – tiền – hàng ( tiền là môi giới trao đổi).

   + Trong đó, Hàng – Tiền là quá trình bàn, Tiền – Hàng là quá trình mua.

**- Phương tiện cất trữ**

   Tiền rút khỏi lưu thông và được cất trữ, khi cần đem ra mua han hàng, vì tiền đại biểu cho của cải xã hội dưới hình thái giá trị.

**- Phương tiện thanh toán**

   + Tiền dùng để chi trả sau khi giao dịch, mua bán ( trả tiền mua chịu hàng hóa, mua nợ, nộp thuế…)

**- Tiền tệ thế giới:**

   Tiền làm nhiệm vụ di chuyển của cải từ rước nay đến nước khác, việc trao đổi tiền từ nước này sang nước khác theo tỉ giá hối đoái.

**3. Thị trường**

- Thị trường là lĩnh vực trao đổi , mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hóa dịch vụ.

**- Các chức năng cơ bản của thị trường:**

   + Chức năng thực hiện ( hay thừa nhận) giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa.

   + Chức năng thông tin

   + Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.

**Bài 3: QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  | **1. Nội dung của quy luật giá trị**  **- Nội dung khái quát:** Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó.  **- Biểu hiện:** Trong sản xuất và trong lưu thông     + Trong sản xuất: quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho thời gian lao động cá biệt để sản xuất hàng hóa đó phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết.     + Trong lưu thông: việc trao đổi hàng hóa phải dựa theo nguyên tắc ngang giá.     + Đối với một hàng hóa, giá cả của một hàng hóa có thể bán cao hoặc thấp so với giá trị của nó nhưng bao giờ ũng phải xoay quanh trục giá trị hàng hóa.     + Đối với tổng hàng hóa trên toàn xã hội, quy luật giá trị yêu cầu: tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất.  **2. Tác động của quy luật giá trị**  ***a. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa***  - Là sự phân phối lại các yếu tố tư liệu sản xuất và sức lao động từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất khác theo hướng từ nơi có lãi ít hoặc không lãi sang nơi lãi nhiều thông qua biến động.  ***b. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển và năng suất lao động tăng lên.***  - Người sản xuất, kinh doanh muốn thu nhiều lợi nhuận phải tìm cách cải tiến kĩ thuật, tăng năng suất lao động, nâng cao tay ngề của người lao động, hợp lí hóa sản xuất, thực hành tiết kiệm…làm cho giá trị hàng hóa cá biệt của họ thấp hơn giá trị xã hội của hàng hóa.  ***c. Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa***  - Những người có điều kiện sản xuất thuận lợi , có trình độ, kiến thức cao, trang bị kĩ thuật tốt nên có hao phí lao động cá biệt thấp hơn hao phí lao động xã hội cần thiết. Nhờ đó giàu lên nhanh chóng, có điều kiện mua sắm thêm tư liệu sản xuất, đổi mới kĩ thuật, mở rộng sản xuất kinh doanh.  - Những người không có điều kiện thuận lợi làm ăn kém cỏi gặp rủi ro trong kinh doanh nên bị thua lỗ dẫn tới phá sản trở thành nghèo khó.  **3. Vận dụng quy luật giá trị**  ***a. Về phía nhà nước***  - Xây dựng và phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.  - Điều tiết thị trường, nâng cao sức cạnh tranh, thu nhiều lợi nhuận.  ***b. Về phía công dân***  - Phấn đấu giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh, thu nhiều lợi nhuận.  - Chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu mặt hàng và ngành hàng sao cho phù hợp với nhu cầu.  - Đổi mới kĩ thuật - công nghệ, hợp lí sản xuất, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng hàng hóa.  **Bài 4:CẠNH TRANH TRONG SẢN XUẤT  VÀ LƯU THÔNG HÀNG HOÁ**  **1.** **Cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh** **a. Khái niệm cạnh tranh**  - Cạnh tranh là cụm từ gọi tắt của cạnh tranh kinh tế.  - Cạnh tranh là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm dành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận.  **b. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh**. + Do tồn tại nhiều chủ sở hữu khác nhau, tồn tại với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập trong quá trình sx, kinh doanh nên phải cạnh tranh với nhau. + Do đk sx của mỗi chủ thể kinh tế lại khác nhau, nên chất lượng HH và chi phí sx khác nhau, kết quả sx, kinh doanh giữa họ không giống nhau...,  **2. Mục đích của cạnh tranh và các loại cạnh tranh**  **a. Mục đích của cạnh tranh**  Mục đích cuối cùng là giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác.  **b. Biểu hiện**  - Giành nguồn nguyên liệu và các nguồn lực sản xuất khác.  - Giành ưu thế về khoa học và công nghệ.  - Giành thị trường, nơi đầu tư, các hợp đồng, các mặt đơn hàng.  - Giành ưu thế về chất lượng và giá cả hàng hóa, kể cả lắp đặt, bảo hành, sửa chữa, phương thức thanh toán,...  **3. Tính hai mặt của cạnh tranh**  **a. Mặt tích cực của cạnh tranh**  - Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học – kĩ thuật phát triển và năng suất lao động xã hội tăng lên.  - Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước.  - Thúc đẩy tăng trưởng kt, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần chủ động hội nhập quốc tế.  => Cạnh tranh theo đúng pháp luật và gắn liền với các mặt tích cực của cạnh tranh là động lực kinh tế của sản xuất và lưu thông.  **b. Mặt hạn chế của cạnh tranh**  - Chạy theo lợi nhuận một cách thiếu ý thức, vi phạm quy luật tự nhiên trong khai thác tài nguyên.  - Dùng những thủ đoạn phi pháp, bất lương để giành giật khách hàng và thu lợi nhuận.  - Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường.  **BÀI TẬP VẬN DỤNG** |

**Câu 1:**Sản xuất của cải vật chất là quá trình

A. Tạo ra của cải vật chất.

B. Sản xuất xã hội.

C. Con người tác động vào tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với như cầu của mình.

D. Tạo ra cơm ăn, áo mặc, tạo ra tư liệu sản xuất.

**Câu 2:**Một trong những vai trò của sản xuất của cải vật chất là

A. Cơ sở tồn tại của xã hội. B. Tạo ra các giá trị vật chất và tinh thần.

C. Giúp con người có việc làm. D. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Câu 3:** sản xuất của cải vật chất có vai trò quyết định

A. Mọi hoạt động của xã hội. B. Số lượng hang hóa trong xã hội

C. Thu nhập của người lao động. D. Việc làm của người lao động.

**Câu 4:** Trong các yếu tố cấu thành tư liệu lao động, yếu tố nào dưới đây quan trọng nhất?

A. Kết cấu hạ tầng của sản xuất. B. Công cụ lao động.

C. Hệ thống bình chứa của sản xuất. D. Cơ sở vật chất.

**Câu 5:**Yếu tố nào dưới đây giữ vai trò quan trọng và quyết định nhất trong quá trình sản xuất?

A. Đối tượng lao động. B. Sức lao động. C. Tư liệu lao động. D. Máy móc hiện đại.

**Câu 6:**Quá trình sản xuất gồm các yếu tố nào dưới đây?

A. Sức lao dộng, đối tượng lao động và lao động. B. Con người, lao động và máy móc.

C. Lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động. D. Sức lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động.

**Câu 7:** Hàng hóa có hai thuộc tính là

A. Giá trị và giá cả B. Giá trị trao đổi và giá trị sử dụng

C. Giá cả và giá trị sử dụng D. Giá trị và giá trị sử dụng

**Câu 8:** Giá trị của hàng hóa là

A. Lao động của từng người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa

B. Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa

C. Chi phí làm ra hàng hóa

D. Sức lao động của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa

**Câu 9:** Giá trị của hàng hóa được thực hiện khi

A. Người sản xuất cung ứng hàng hóa phù hợp với nhu cầu nhu cầu của người tiêu dùng

B. Người sản xuất mang hàng hóa ra thị trường bán

C. Người sản xuất mang hàng hóa ra thị trường bán và bán được

D. Người sản xuất cung ứng được hàng hóa có nhiều giá trị sử dụng

**Câu 10:** Tiền thực hiện chức năng thước đo giá trị khi

A. Tiền dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa B. Tiền làm môi giới trong quá trình trao đổi hàng hóa

C. Tiền được dùng để chi trả sau khi giao dịch D. Tiền dùng để cất trữ

**Câu 11:**Chức năng nào dưới đây của tiền tệ đòi hỏi tiền phải là tiền bằng vàng?

A. Thước đo giá trị B. Phương tiện lưu thông C. Phương tiện cất trữ D. Phương tiện thanh toán

**Câu 12:**Tiền tệ có mấy chức năng?

A. Hai chức năng       B. Ba chức năng C. Bốn chức năng       D. Năm chức năng

**Câu 13:** Tiền được dùng để chi trả sau khi giao dịch, mua bán. Khi đó tiền thực hiện chức năng gì dưới đây?

A. Thước đo giá trị B. Phương tiện lưu thông C. Phương tiện cất trữ D. Phương tiện thanh toán

**Câu 14:** Thông tin của thị trường giúp người mua

A. Biết được giá cả hàng hóa trên thị trường B. Mua được hàng hóa mình cần

C. Biết được số lượng và chất lượng hàng hóa D. Điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất

**Câu 15:** Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở nào dưới đây?

A. Thời gian lao động cá biệt để sản xuất ra hàng hóa B. Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa

C. Thời gian cần thiết để sản xuất ra hàng hóa D. Chi phí để sản xuất ra hàng hóa

**Câu 16:**Quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho

A. Thời gian lao động cá biệt bằng thời gian lao động xã hội cần thiết

B. Thời gian lao động cá biệt lớn hơn thời gian lao động xã hội cần thiết

C. Lao động cá biệt nhỏ hơn lao động xã hội cần thiết

D. Lao động cá biết ít hơn lao động xã hội cần thiết

**Câu 17:** Điều tiết sản xuất là

A. Phân phối lại chi phí sản xuất giữa ngành này với ngành khác

B. Sự phân phối lại các yếu tố của quá trình sản xuất từ ngành này sang ngành khác

C. Điều chỉnh lại số lượng hàng hóa giữa ngành này với ngành khác

D. Điều chỉnh lại số lượng và chất lượng hàng hóa giữa các ngành

**Câu 18:** Phương án nào dưới đây lí giải nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh?

A. Do nền kinh tế thị trường phát triển

B. Do tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất kinh doanh

C. Do Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp phát triển

D. Do quan hệ cung-cầu tác động đến người sản xuất kinh doanh

**Câu 19:** Hành vi gièm pha doanh nghiệp khác bằng cách trực tiếp đưa ra thông tin không trung thực thuộc loại cạnh tranh nào dưới đây?

A. Cạnh tranh tự do B. Cạnh tranh lành mạnh

C. Cạnh tranh không lành mạnh D. Cạnh tranh không trung thực

**Câu 20:**Hành vi xả nước thải chưa xử lí ra sông của Công ty V trong hoạt động sản xuất thể hiện mặt hạn chế nào dưới đây trong cạnh tranh?

A. Sử dụng những thủ đoạn phi pháp, bất lương B. Gây rối loạn thị trường

C. Làm cho môi trường suy thoái và mất cân bằng nghiêm trọng D. Làm cho nền kinh tế bị suy thoái

**Câu 21**: Thị trường giúp người tiêu dùng điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất là thể hiện chức năng nào sau đây?

**A**. Tiền tệ thế giới. **B**. Phương tiện cất trữ.

**C**. Cung cấp thông tin. **D**. Thúc đẩy độc quyền.

**Câu 22**: Việc người sản xuất luân chuyển hàng hóa từ nơi này sang nơi khác thông qua sự biến động của giá cả thị trường là thực hiện chức năng nào sau đây của thị trường?

**A**. Thanh toán. **B**. Cất trữ. **C**. Kiểm tra. **D**. Điều tiết.

**Câu 23**: Người sản xuất tiến hành cải tiến kĩ thuật là vận dụng tác động nào sau đây của quy luật giá trị?

**A**. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển. **B**. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.

**C**. Phân phối các yếu tố tư liệu lao động. **D**. Thúc đẩy thời gian lao động cá biệt tăng.

**Câu 24**: Người sản xuất phân phối lại nguồn hàng thông qua sự biến động của giá cả trên thị trường là vận dụng tác động nào sau đây của quy luật giá trị?

**A**. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa. **B**. Thâu tóm ngân sách quốc gia.

**C**. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển. **D**. San bằng các nguồn thu nhập.

**Câu 25**: Việc khai thác gỗ bừa bãi làm cho rừng bị tàn phá là thể hiện mặt hạn chế của cạnh tranh ở nội dung nào sau đây?

**A**. Khai thác tối đa nguồn lực của đất nước. **B**. Điều tiết lưu thông hàng hóa.

**C**. Chạy theo lợi nhuận một cách thiếu ý thức. **D**. Nâng cao năng lực cạnh tranh.

**Câu 26**: Việc vi phạm quy luật tự nhiên trong khai thác tài nguyên làm cho môi trường suy thoái là biểu hiện sự tác động của cạnh tranh ở mặt nào sau đây?

**A**. Hạn chế. **B**. Tích cực. **C**. Tiến bộ. **D**. Lành mạnh.